TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.
Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 20/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/03/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: anh Nguyễn Bá Vinh, sinh năm 1985
HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Xin xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990
HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đảo Síp nhưng không rõ địa chỉ.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên*

đơn là anh Nguyễn Bá V trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị Y kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L ngày 11/5/2010 trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn. Trước khi kết hôn anh chị có tự do tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán Việt Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2017, chị Y đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp. Cuối năm 2017, anh phát hiện chị Y có quan hệ ngoại tình. Năm 2018 anh đã làm thủ tục sang Đảo Síp để làm ăn và khuyên giải chị Y nhiều lần với mục đích thu vén hạnh phúc gia đình nhưng chị Y không nghe mà vẫn tiếp tục ngoại tình. Từ đó đến nay, chị Y không lo lắng đến gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ. Đến nay, tình trạng vợ chồng đã quá căng thẳng, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Hai bên gia đình nói chuyện, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Anh và chị Y sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Anh đã nhiều lần hỏi xin chị Y địa chỉ cụ thể của chị Y ở nước ngoài nhưng chị Y cố tình giấu, không cho anh biết. Hiện nay, anh được biết chị Y vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ của chị Y là: ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị N ở tại Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Anh và chị Y có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 05/5/2012. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Y hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Nguyễn Thị Y.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ chị Y là bà Bùi Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; bà N có quan điểm trình bày như sau:

- Bà là mẹ đẻ của chị Y có địa chỉ như trên. Hiện nay con bà đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của con bà ở bên nước ngoài thì bà không biết nên không

thể cung cấp cho Tòa án. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để chị Y gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện.

- Về việc anh V xin ly hôn thì con bà có trao đổi là:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y không đồng ý ly hôn với anh V.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 05/5/2012. Sau khi ly hôn, anh V đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con thì hiện nay chị Y không có nhà nên không có ý kiến gì, đồng ý để anh V nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu B và cháu H trình bày có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Bá V xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị Y vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Nguyễn Bá V được ly hôn chị Nguyễn Thị Y. Về con chung: Do chị Y đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được, chị Y đồng ý giao con chung cho anh V nuôi dưỡng nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 05/5/2012 cho anh Nguyễn Bá V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Nguyễn Bá V không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội buộc anh Nguyễn Bá V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Bá V là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Y. Bị đơn chị Nguyễn Thị Y là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 23182/QLXNC-P5 ngày 11/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị Y đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 06/12/2017, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị Y. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Bá V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Y vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp chị Nguyễn Thị Y cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Y theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V, chị Y.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Nguyễn Bá V kết hôn với chị Nguyễn Thị Y trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/5/2010 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2017, chị Y đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp. Cuối năm 2017, anh phát hiện chị Y có quan hệ ngoại tình. Năm 2018 anh V đã làm thủ tục sang Đảo Síp để làm ăn

và khuyên giải chị Y nhiều lần với mục đích thu vén hạnh phúc gia đình nhưng chị Y không nghe mà vẫn tiếp tục ngoại tình. Từ đó đến nay, chị Y không lo lắng đến gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ. Đến nay, tình trạng vợ chồng đã quá căng thẳng, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Hai bên gia đình nói chuyện, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Anh và chị Y sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh Nguyễn Bá V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Bá V và chị Nguyễn Thị Y là hợp pháp. Hiện nay anh Nguyễn Bá V và chị Nguyễn Thị Y mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Nguyễn Bá V và chị Nguyễn Thị Y đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Bá V và chị Nguyễn Thị Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Bá V được ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh Nguyễn Bá V và chị Nguyễn Thị Y có 02 con chung là cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 05/5/2012. Khi ly hôn anh Nguyễn Bá V có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị Y không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó chị Y không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Hai con chung đang ở ổn định với anh V, các con chung có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị Y cũng đồng ý để anh V nuôi hai con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 05/5/2012 cho anh Nguyễn Bá V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi

con chung do anh Nguyễn Bá V không yêu cầu.

[4.4]. Các quyền khác về con chung sau khi ly hôn:

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Y về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Bá V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá V được ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 14/11/2010 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 05/5/2012 cho anh Nguyễn Bá V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Bá V không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Y về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Bá V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000852 ngày 05/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Bá V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Y hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Bá V cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ong Thân Thắng